



Con người chấn thương trong *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của Nguyễn Minh Châu

The traumatized individual in *Cỏ lau* (Reed Grass) and *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (The Woman on the Express Train) by Nguyễn Minh Châu

Nguyễn Thị Tú Vi^{a,b*}, Trương Trang Phương Anh^{a,b}
Nguyen Thi Tu Vi^{a,b}, Trương Trang Phương Anh^{a,b}

^aTrường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

^aHo Chi Minh City University of Education, Ho Chi Minh, 700000, Viet Nam

^bKhoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

^bFaculty of Philology, Ho Chi Minh City University of Education, Ho Chi Minh, 700000, Viet Nam

(Ngày nhận bài: 11/03/2025, ngày phản biện xong: 08/04/2025, ngày chấp nhận đăng: 11/04/2025)

Tóm tắt

Chấn thương tâm lý trong văn học không chỉ đề cập đến hiện thực xã hội mà còn là một lối đi giúp độc giả đi sâu vào bản chất con người để thấu hiểu những xung đột nội tâm phức tạp của nhân vật. Nguyễn Minh Châu, một trong những nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại đã khai thác sâu sắc chủ đề này qua các tác phẩm của mình, đặc biệt là *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*. Cả hai tác phẩm đều xây dựng những nhân vật chịu ảnh hưởng nặng nề của chấn thương tâm lý từ chiến tranh, qua đó thể hiện sự bất lực trước thực tại và những giằng xé nội tâm con người. Dưới góc nhìn lý thuyết chấn thương, nghiên cứu này sẽ phân tích các biểu hiện chấn thương tâm lý của nhân vật Lực và Quỳ, làm rõ những tác động của nó đến nhận thức, hành vi của nhân vật văn học và mối liên hệ với con người thực tại.

Từ khóa: chấn thương; con người chấn thương; *Cỏ lau*; *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*; Nguyễn Minh Châu.

Abstract

Psychological trauma in literature not only reflects social realities but also serves as a path for readers to delve into the essence of human nature, allowing them to understand the complex inner conflicts of characters. Nguyễn Minh Châu, one of the most prominent writers of modern Vietnamese literature, deeply explores this theme in his works, especially *Cỏ lau* (Reed Grass) and *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (The Woman on the Express Train). Both works portray characters profoundly affected by the psychological trauma of war, highlighting their sense of helplessness in the face of reality and the intense inner struggles they endure. From a psychological perspective, this study analyzes the manifestations of psychological trauma in the characters Lực and Quỳ, clarifying its impact on their perception and behavior, as well as drawing connections between literary characters and real-life individuals.

Keywords: trauma; traumatized individual; *Cỏ lau*; *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*; Nguyễn Minh Châu.

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Tú Vi

Email: 4701601108@student.hcmue.edu.vn, tuvi1607@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Thuật ngữ “chấn thương” (trauma) không còn quá xa lạ trong nghiên cứu phân tâm học cũng như nghiên cứu văn học. Xuất phát từ thuật ngữ thuộc lĩnh vực y học, “chấn thương” chỉ tình trạng thương tổn ở bộ phận cơ thể do tác động bên ngoài, qua những nỗ lực nghiên cứu của Freud, Cathy Caruth,... “chấn thương” được hiểu đa dạng và sâu sắc hơn, từ vết thương vật lý đến ý nghĩa chấn thương tâm lý. Nghiên cứu về chấn thương được các nhà nghiên cứu quan tâm hơn cả bởi tính thiết thực, cấp thiết, phù hợp với sự phát triển của thời đại. Bởi lẽ, trên thế giới ngày càng diễn ra nhiều cuộc xung đột quân sự, chiến tranh và hậu quả của nó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của đời sống con người, nhất là đời sống tinh thần. Như vậy, lý thuyết phê bình chấn thương không chỉ mang ý nghĩa khoa học mà còn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, khi nó quan tâm đến vấn đề con người, khám phá những vết thương âm ỉ trong tâm can mà con người chưa hoặc không thể biết được.

Phê bình chấn thương là một lý thuyết phù hợp để hình thành và phát triển trên mảnh đất văn học Việt Nam, bởi lẽ, một đất nước nhỏ bé trải qua biết bao cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Chiến tranh qua đi nhưng những gì nó để lại là tàn dư nặng nề và khủng khiếp. Những lo âu, bất an của con người trong chiến tranh được các nhà văn khắc họa, nổi bật là Nguyễn Minh Châu với những tác phẩm đi sâu vào hành trình tâm lý con người thời kỳ hậu chiến. Và soi chiếu từ lý thuyết chấn thương, ta phần nào hiểu rõ hơn về một giai đoạn lịch sử hào hùng song cũng thật đau thương. Trong phạm vi bài báo, tác giả sẽ làm rõ đặc điểm của con người chấn thương qua hai tác phẩm *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của Nguyễn Minh Châu.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu hướng đến mục đích phân tích các biểu hiện của chấn thương tâm lý ở các nhân vật trong truyện ngắn *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của tác giả Nguyễn Minh Châu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp cấu trúc - hệ thống và phương pháp so sánh.

Với phương pháp cấu trúc - hệ thống, chúng tôi sử dụng phương pháp này để hệ thống hóa lý thuyết và các vấn đề liên quan đến biểu hiện của con người chấn thương trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu. Từ đó, chúng tôi cấu trúc lại thành các luận điểm nhằm làm rõ sự biểu hiện của kiểu con người chấn thương qua hai tác phẩm *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*.

Phương pháp so sánh nhằm so sánh biểu hiện chấn thương của hai nhân vật Lực (*Cỏ lau*) với Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) của tác giả Nguyễn Minh Châu; so sánh nhân vật chấn thương giữa Lực (*Cỏ lau* - Nguyễn Minh Châu) với Kiên (*Nỗi buồn chiến tranh* - Bảo Ninh) và Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* - Nguyễn Minh Châu) với Gatsby (*The Great Gatsby* - F. Scott Fitzgerald) để thấy được điểm tương đồng và khác biệt trong sự biểu hiện nỗi đau tinh thần mà mỗi tác giả hướng đến. Qua đó làm sáng rõ hơn đặc điểm của con người chấn thương trong *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của Nguyễn Minh Châu.

4. Nội dung nghiên cứu

4.1. Con người bị ám ảnh bởi kí ức đau thương

Chấn thương tâm lý là trạng thái đau khổ về mặt tinh thần khi con người trải qua những sự kiện gây sốc và vượt ngoài tầm kiểm soát. Nhận định của Cathy Caruth về điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình, bà cho rằng chấn thương là “một trải nghiệm choáng ngợp về các sự kiện đột ngột hoặc thảm khốc trong đó phản ứng với sự kiện xảy ra dưới dạng xuất hiện lặp đi lặp lại không kiểm soát được và thường bị trì hoãn của ảo giác và các hiện tượng xâm nhập khác” [3, tr.11]. Có thể nói, chấn thương tinh thần không chỉ là câu chuyện về những vết thương nhìn thấy được, mà còn là những nỗi đau vô hình con người phải mang theo, nó không

ngừng ám ảnh, gợi nhắc con người về sự kiện đau thương trong quá khứ. Cathy cũng đề cập đến phân tâm học của Freud: những trải nghiệm đau thương có thể bị đẩy vào vô thức như một cơ chế để phòng vệ, nhưng chúng không biến mất mà ở lại trong tâm trí con người như vết sẹo, buộc con người phải nhìn nhận nó và nhớ về những nỗi đau tưởng chừng như đã rơi vào quên lãng. Vì lẽ đó, con người chỉ nhận ra chấn thương trong quá trình hồi tưởng. Hai tác phẩm *Cỏ lau* và *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* đều khắc họa rõ nét những vết thương tâm lý này, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội hậu chiến, nơi mà mọi người vẫn đang cố tìm cách chữa lành, hòa giải với quá khứ đầy đau thương và mất mát.

Ở *Cỏ lau*, nhân vật Lực mang dáng dấp của một con người chấn thương. Trước hết, chiến tranh là trải nghiệm vượt ngoài tầm kiểm soát của con người. Từ bom đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học đến những cảnh bom rơi đạn lạc, cảnh con người bị giết hại một cách tàn nhẫn,... đều là những trải nghiệm gây tổn thương sâu sắc đến tâm lý con người. Chiến tranh với sự tàn khốc của nó không ngừng ám ảnh Lực, những kí ức về thời chiến tranh loạn lạc, sự mất mát của gia đình là nỗi đau tinh thần không thể hàn gắn nơi ông. Trở về cuộc sống thời bình, Lực vừa phải đối diện với những kí ức đau thương ở quá khứ vừa bất lực trước thực tại cuộc sống bị chiến tranh đánh cắp. Chấn thương tinh thần ở đây nằm ở sự đối mặt với một quá khứ không thể thay đổi, nhưng lại không thể nào quên, ông luôn bị giằng xé giữa những kí ức đau thương của chiến tranh và nỗ lực để tiếp tục sống. Mỗi bước chân quay lại quê hương giống như một hành trình trở về với những bóng ma của kí ức, nơi những người thân đã mất đi, và cuộc sống hạnh phúc bị cướp mất bởi chiến tranh. Sự xuất hiện của những kí ức đau thương trong chiến tranh luôn trở đi trở lại, đi qua những con đường, ngắm nhìn những bức ảnh,... đâu đâu cũng làm hiện lên những hình ảnh của quá khứ ấy. Từ tấm ảnh treo trong tiệm ảnh mà kí ức về chiến tranh lại sống dậy “*nơi cái tổ chót của chúng tôi bao gồm toàn*

cán bộ bộ binh lẫn trinh sát pháo binh, hóa học, đến bây giờ chỉ còn sót lại một mình tôi còn sống” [4, tr.656] đến con đường trong khi đi về cơ quan “*nơi nào ngày xưa người lính vô danh đã từng nín thở bấu chặt mười ngón tay vào vách đá leo lên, ở hẻm núi nào, ở chân điểm cao nào, như một con cây, con cáo, người lính nấu chín mình rình giặc, chịu đói, chịu rét*” [4, tr.682]. Một khía cạnh nổi bật khác trong tâm lý của Lực là cảm giác tội lỗi khi ông là người sống sót (survivor's guilt). Đây là trạng thái phổ biến ở những cựu binh sau chiến tranh, khi họ cảm thấy sự tồn tại của mình không xứng đáng với những mất mát của đồng đội. Hội chứng này thường xuất hiện ở những người đã trải qua các sự kiện đe dọa tính mạng nhưng sống sót trong khi những người khác thì không, nó thường đi kèm với những câu hỏi mang đầy sự dằn vặt như: “*Tại sao mình sống sót? Có phải cái chết của họ là lỗi của mình? Mình có xứng đáng được sống không?*”. Sự sống sót trở thành một gánh nặng tâm lý, thay vì là một may mắn. Với Lực, ông luôn trăn trở về những người đồng đội xưa “*Với biết bao nỗi lo toan tính đầy hối hả trong thời bình, mỗi con người chúng ta có lẽ đôi khi cũng là một cánh rừng cỏ lau giàu sức sống, rất chóng lãng quên những người lính đã ngã xuống*” [4, tr.683]. Bấy nhiêu năm bước ra khỏi chiến tranh, nhưng nỗi đau thời chiến để lại vẫn không gì có thể xóa nhòa. Và có lẽ vì ám ảnh về sự hy sinh của đồng đội mà sau khi rời chiến trường, ông vẫn quyết tâm làm công việc tìm lại hài cốt của các chiến sĩ đã hy sinh. Khi thực hiện nhiệm vụ ấy, những mảng hồi ức đau thương cứ dần dần hiện lên trong tâm trí của người lính. Có thể nói trong tâm trí của người lính Lực, chiến tranh vẫn còn đó, nguyên vẹn những nỗi đau, những mất mát, hy sinh của đồng đội, của quê hương ông - Thành cổ Quảng Trị,... Nó ám ảnh tâm trí của Lực, nó thường trực ở mọi nẻo đường mà ông đi qua, mọi câu chuyện ông kể và được kể. Song, thứ ám ảnh nhất với Lực, có lẽ là máu - bằng chứng đau thương của những cuộc chiến đấu: “*Những chiếc rễ cỏ lau xoắn xuýt đầy sức sống nằm lẫn lộn trong đất mới được đào lật lên*

trên cái gò đất đỏ như máu, đang xông lên một mùi ngai ngái, hăng hắc mà người lính đã ngửi suốt đời cầm súng, lúc đào công sự, lúc làm lán ở, lúc ăn lúc ngủ, cho đến khi nằm xuống” [4, tr.709]. Lực không thể nào quên hình ảnh những người đồng đội của mình đã ngã xuống, lấy máu tươi nhuộm đất thái bình. Kí ức đầy day dứt ấy trở thành nỗi ám ảnh trong tâm trí người cựu binh.

Đau đớn nhất có lẽ là những sai lầm trong chiến tranh mãi in hằn lên tâm trí của người lính nọ. Dẫn tham gia chiến đấu ròng rã hơn hai mươi năm trời, Lực chiến đấu anh dũng không sợ hy sinh, gian khổ, đã làm nên bao chiến công, góp phần vào chiến thắng oanh liệt của dân tộc. Thế nhưng, người lính ấy luôn sống trong những hối hận và ăn năn về sai lầm của bản thân, những quá khứ đau thương ấy vẫn chong chát khiến Lực không thể nguôi ngoai. Lực vẫn nhớ như in trong một trận đánh do ông chỉ huy, trận tập kích giải vây thất bại, những người lính bàn luận về trận thua khiến cho Lực tức giận. Vừa bị khiển trách, Lực đã đổ hết giận dữ lên Phi – một người lính liên lạc mới được bổ sung vào hai ngày. Lực đã ra mệnh lệnh cho Phi đi báo cáo dấu biết ngoài kia, địch đang nổ bom oanh tạc. Chỉ một phút nóng giận, Lực đã đưa ra quyết định sai lầm, mà chỉ vài phút ngắn ngủi sau ông đã hối hận: *“Ngay lập tức tôi mơ hồ cảm thấy chỉ ít phút nữa cậu ta sẽ chết, còn tôi như một người bị chính mình trói mình, bởi cái mệnh lệnh vô lý vừa ban ra, tôi tức tối chỉ muốn tự cởi trói để vùng chạy đi cứu lấy một cái gì rất mực quý giá”* [4, tr.700]. Nhưng đã không kịp nữa rồi, Phi bị địch bắn và hy sinh ngay khi vừa ra khỏi hầm. Quá khứ đau thương vẫn còn đó, nó thường trực nơi trái tim, trí óc của người lính ấy, chỉ một tác nhân nhỏ thôi cũng đủ để chúng sống lại trong tâm tưởng của Lực. Quả vậy, khi nhìn thấy tấm hình người lính cũ (Phi) từ tay Huệ, những ám ảnh trong quá khứ lại hiện lên. Cuối cùng, Lực quyết định nói hết sự thật về cái chết của Phi cho Huệ. Qua nhìn nhận văn bản dưới lý thuyết chấn thương của Cathy Caruth, ta nhận ra một số đặc điểm chấn thương ở nhân vật Lực. Theo Cathy

Caruth, con người sau trải nghiệm gây sốc có xu hướng bóp méo sự thật, điều đó nằm ở *“khả năng nhận thức của con người trong việc cảm nhận và tiếp thu toàn bộ những gì thực sự đang xảy ra vào thời điểm đó”* [2, tr.69] và bà cũng đề cập đến xu hướng thay đổi vị trí nạn nhân và thủ phạm của con người sau khi trải qua sự kiện đau thương. Với nhân vật Lực, ông không phải *“kẻ giết người”* như cách mà ông tự định danh cho chính mình. Chiến tranh đã giết chết Phi. Sự thú nhận là kẻ giết người của ông là biểu hiện cho sự bóp méo sự thật. Sự kiện chấn thương đã khiến Lực tự nhận thức mình là kẻ giết người như một cách để giảm bớt cảm giác tội lỗi với người đồng đội cũ. Ông sẵn sàng gánh chịu lấy cơn giận của Huệ, như một cách đối diện với lỗi lầm của quá khứ, tha thứ và chữa lành chấn thương cho chính mình.

Cũng giống như Lực, nhân vật nữ quân y sĩ Quý trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* luôn sống trong sự ám ảnh bởi kí ức chiến tranh đau thương. Chị vốn là người con gái xinh đẹp, giàu sức sống và đầy nhiệt huyết tuổi trẻ trong những ngày đầu bước chân vào chiến trường. Thế nhưng trải qua cuộc chiến đấu đầy máu và nước mắt với những hy sinh không thể nào đếm hết, Quý giờ đây lại trở thành một bệnh nhân tâm thần. Thế giới nội tâm của chị gặp phải chấn thương nghiêm trọng bởi những nỗi đau trong quá khứ. Đó là nỗi đau âm ỉ mà chị chỉ có thể âm thầm chịu đựng.

Nỗi đau lớn nhất trong cuộc đời Quý là mất đi người yêu trong chiến tranh. Anh là một trung đoàn trưởng mới hai mươi chín tuổi, dẫn dắt trung đoàn K đi qua những chiến công oanh liệt. Thế nhưng anh đã ngã xuống trong một trận đánh rất hiểm *“Cũng dưới con mắt người chỉ huy, một trận như vậy mà thương vong chưa đầy chục người là ít, rất ít. Nhưng đau đớn biết bao, trong số những người đã ngã xuống có anh ấy”* [4, tr.979]. Quý đã ở cạnh người yêu trong những giây phút cuối cùng của cuộc đời anh. Chị còn nhớ như in bốn ngày ngắn ngủi khi anh đã bước một chân qua lằn ranh sinh tử. Khuôn mặt gầy gò, vàng vọt, quần đầy băng trắng; hai bàn tay

anh cũng quần đầy bông băng. Nó trở thành kí ức đau đớn và dai dẳng trong suốt quãng đời còn lại của chị. Có lúc thần chết đã kề sát anh ấy nhưng chị bất chấp tất cả cố gắng níu anh ở lại *“Lúc bấy giờ, trước mặt các anh chị em đứng vây chung quanh, tôi cũng không còn biết xấu hổ nữa, tôi áp khuôn ngực nóng hối sự sống của mình lên khuôn ngực đang lạnh giá dần của anh ấy”* [4, tr.985]. Thế nhưng những nỗ lực của chị cũng chỉ giúp anh ấy sống thêm mười một tiếng đồng hồ. Khi anh ra đi, chị không khóc được. Quỳ không cùng mọi người tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Chị trốn trong một góc nhà, trùm chăn kín mít. Chị không đủ can đảm để đối diện với sự thật quá đau lòng *“chưa bao giờ sống ở trên đời tôi cảm thấy lẻ loi cô độc như vậy”, “tôi nằm im mà tâm hồn tôi vật vã”* [4, tr.986-987]. Suốt những ngày sau đó, chị chỉ còn là cái xác không hồn. Sự mất mát quá lớn ấy ám ảnh chị trong những năm tháng hòa bình về sau. Quỳ không thể trở lại làm con người hồn nhiên và vui tươi như thuở trước. Bước ra khỏi chiến tranh, chị cũng đánh mất luôn lý tưởng sống. Phần đời còn lại của chị không dành riêng cho chính mình nữa. Chị tiếp tục sống là vì anh, để thay anh viết tiếp ước mơ cống hiến cho đời.

Nỗi đau mất đi người yêu đã biến thành nỗi dằn vặt thường trực trong tâm trí Quỳ. Nó trở thành nguyên nhân khiến chị đánh mất cơ hội được yêu và được hạnh phúc. Sau khi anh ấy qua đời, chị thẳng thắn từ chối sự bày tỏ của bác sĩ Thương *“Tôi đã viết cho bác sĩ một lá thư rất dài trong đó tôi nói một cách xa xôi để đồng chí bác sĩ trẻ tuổi mà tôi hết sức quý mến ấy biết rằng từ nay trở đi - ít nhất là trong những năm đang còn chiến tranh - tôi không còn có thể yêu một người nào khác nữa”* [4, tr.1009]. Khi viết những dòng ấy, Quỳ không thể lường trước được rằng, bác sĩ Thương sẽ chờ chị đến ngày sau chiến tranh. Anh mang theo tình yêu chân thành mà âm thầm, lặng lẽ để sống và chiến đấu. Hòa bình lập lại, anh lặn lội đến viện quân y tìm chị. Không có chị ở đó, anh ngồi và chờ đợi. Sự kiên nhẫn bấy nhiêu năm của anh đã khiến Quỳ thực

sự xúc động. Thế nhưng chừng ấy lý do vẫn chưa đủ, vẫn không thể vượt qua được ám ảnh của quá khứ trong lòng chị. Chị có thể chọn bác sĩ Thương, lựa chọn tình yêu, lựa chọn hạnh phúc của cuộc đời mình. Nhưng niềm day dứt với *“giấc mơ của anh ấy”* luôn vây chặt lấy tâm hồn chị. Quỳ tự cho rằng mình phải gánh lấy trách nhiệm hoàn thành ước mơ của người yêu đã khuất. Vì vậy chị chỉ có thể lấy Ph., một kỹ sư chế tạo máy mà bỏ lỡ người đã chân thành chờ đợi chị. Quỳ biết rằng hành động đó không chỉ là sự nuối tiếc, mà còn là nỗi đau đánh mất tình yêu *“Sẽ chẳng bao giờ tôi còn đánh mất đi một cái gì lớn lao, quý báu hơn; đồng chí ạ, chỉ còn một chút xíu nữa là có lẽ tôi đã kêu thét lên một tiếng vô cùng đau đớn, vì cái con người vô cùng yêu quý đang ngồi trước mặt, tôi sắp đánh mất, tôi sắp phải từ chối anh ấy! Tôi cũng sắp phải từ chối và đánh mất tất cả hạnh phúc tình yêu của tôi!”* [4, tr.1030]. Nỗi đau khủng khiếp ấy ám ảnh tâm trí Quỳ. Nó dày vò chị từng phút từng giờ. Từng cơn đau như vẫn còn nguyên hình vạn trạng mỗi khi chị nhớ lại lời xin lỗi của mình năm ấy.

Cuộc sống hiện tại của Quỳ cũng là chuỗi ngày nhớ về những người đồng đội cũ. Những người mà chị chẳng còn nhớ mặt, chẳng hề bận tâm khi họ ở bên. Để rồi trong một khoảnh khắc chị phát hiện ra, họ đã quan tâm chị nhiều như thế nào. Khi còn sống họ đã từng yêu chị, từng viết thơ ca ngợi chị, thế mà đến khi các đồng chí đã mãi mãi ra đi Quỳ mới đọc được những dòng ấy *“tôi thì thậm gọi tên từng người, từng trái tim đã từng yêu tôi nay đã ngừng đập. Khôi, Hà, Lâm, Hùng, Nhã, Văn... Không một lời đáp”* [4, tr.1003]. Ngay cả Hậu, người đồng hành cùng Quỳ trong những chuyến công tác cũng tha thiết yêu chị. Một tình yêu đầy hy sinh và thầm lặng. Hậu lo lắng nhiều cho Quỳ trong mỗi chuyến đi, thậm chí anh chẳng ngần ngại thay chị gánh lấy cái chết. Đau đớn hơn là sau khi chôn cất Hậu, Quỳ mới phát hiện ra tình cảm của anh *“Làm sao tôi biết được, không thể nào ngờ, chính cả Hậu cũng yêu tôi. Hậu yêu tôi suốt trong thời gian chúng tôi sống chung với nhau mà tôi không hề*

biết. Tôi sống sờ cả người” [4, 1005]. Nỗi đau về những người đồng đội đã hy sinh, những người đã dành quá nhiều tình yêu thương cho mình luôn ám ảnh Quý những ngày về sau. Ở họ, chị tìm được cách nhìn cuộc đời và quan niệm sống cho chính mình. Chị bước ra khỏi vực thẳm chiến tranh nhưng không thể rời bỏ quá khứ đau thương ấy. Thân xác chị trở về xây dựng cuộc sống hòa bình nhưng tâm hồn còn vương vấn khu rừng cũ, kỷ niệm xưa. Chị hằng nhớ những con người đã đi vào lịch sử, hồn thiêng hóa vào hồn nước. Chị sống ở hiện tại nhưng không sống cho hiện tại mà sống cho những gì đã qua, những người đã mất.

4.2. Con người bất lực trước thực tại và sự giằng xé nội tâm

Trong văn học, chấn thương tâm lý (psychological trauma) không chỉ là hệ quả của những biến cố khắc nghiệt mà còn là lăng kính phản chiếu những đổ vỡ trong nhận thức, niềm tin và sự tồn tại của con người. Nguyễn Minh Châu đã khắc họa sâu sắc chủ đề này qua hai nhân vật Lực trong *Cỏ lau* và Quý trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*. Mặc dù xuất phát điểm của hai nhân vật rất khác nhau - một người là cựu chiến binh mang vết thương chiến tranh, một người là phụ nữ chịu tổn thương từ tình yêu và niềm tin bị đổ vỡ - song cả hai đều là nạn nhân của chấn thương tâm lý, bị mắc kẹt trong những mảnh kí ức quá khứ và sự giằng xé trong mối tương quan giữa lý tưởng với thực tại. Một trong những biểu hiện chấn thương tâm lý rõ nét nhất trước hết là ở nhân vật Lực với hội chứng rối loạn căng thẳng sau sang chấn (Post-traumatic stress disorder – PTSD). Hội chứng này bắt nguồn từ sự quan sát những người sống sót sau các sự kiện chấn thương, trong đó bao gồm chiến tranh [7, tr.377]. Theo Judith Lewis Herman (1992), PTSD thường bao gồm ba triệu chứng chính: hồi tưởng không kiểm soát (intrusive memories), tránh né thực tại (avoidance and numbing) và căng thẳng thần kinh kéo dài (hyperarousal). Lực hội tụ đầy đủ những dấu hiệu này: ông không thể thoát khỏi

những kí ức kinh hoàng, liên tục bị ám ảnh bởi hình ảnh đồng đội đã ngã xuống (không thể ngăn chặn những kí ức đau thương tự động tràn về), cảm thấy lạc lõng giữa hiện tại, và mang trong lòng sự day dứt không nguôi với một quyết định trong lúc mất bình tĩnh đã gây ra sai lầm không thể cứu vãn. Sau cuộc chiến ác liệt, ông trở về Thành cổ Quảng Trị, nơi đây không chỉ đơn thuần là một địa điểm mà còn trở thành một không gian tâm lý gắn liền với chấn thương của Lực. Trở về không gian gắn với sự kiện xảy ra chấn thương cùng với công việc tìm kiếm hài cốt đồng đội - công việc gợi nhắc về chấn thương, ông không chỉ đối mặt với sự hủy diệt, sự tàn phá của chiến tranh trước mắt mà còn đối diện với chính nỗi đau trong mình. Trong tâm lý học, hiện tượng này được gọi là mất mát biểu tượng (symbolic loss), khi một cá nhân không chỉ đánh mất những giá trị vật chất mà còn mất đi cả ý nghĩa tinh thần gắn liền với chúng. Hành trình này không chỉ là sự trở lại về mặt không gian mà còn là sự tái hiện kí ức, khi mọi khung cảnh đều khơi dậy nỗi ám ảnh đau thương từ quá khứ. Thành cổ, từng là nơi đầm máu của các trận chiến, giờ đây chỉ còn lại những ngọn cỏ lau, một biểu tượng của sự lãng quên và hủy diệt. Điều này khiến Lực cảm thấy bất lực, không thể kiểm soát được sự xung đột giữa kí ức quá khứ và thực tại hoang tàn. Trong những đoạn văn miêu tả nội tâm của Lực, Nguyễn Minh Châu đã khắc họa nỗi đau tinh thần này một cách tinh tế: Lực không chỉ cảm thấy có lỗi với những đồng đội đã hy sinh mà còn với chính lý tưởng của ông trong chiến tranh. Tâm lý học lý giải rằng cảm giác tội lỗi này xuất phát từ sự bất cân xứng giữa giá trị sống còn của bản thân và sự hy sinh của người khác, đặc biệt trong bối cảnh tập thể như chiến tranh. Điều này khiến Lực ngày càng chìm sâu vào trạng thái tự dằn vặt, như thể ông phải gánh lấy trách nhiệm sống thay cho cả những người đã khuất. Hình ảnh cỏ lau trong tác phẩm không chỉ là biểu tượng của sự tàn phai mà còn thể hiện rõ sự bất lực của Lực trước dòng chảy của thời gian. Ông không thể thay đổi hiện tại, cũng

không thể níu giữ quá khứ. Chiến tranh không chỉ phá hủy con người ở thời điểm nó diễn ra, mà còn tiếp tục tác động đến họ trong suốt phần đời còn lại. Cái giá của chiến tranh, không chỉ đo bằng những con số thương vong, mà còn bằng những vết sẹo tinh thần mà các cá nhân và xã hội phải chịu đựng. Sự bất lực trước thực tại, cảm giác tội lỗi và nỗi ám ảnh kí ức đã khiến Lực rơi vào trạng thái giằng xé nội tâm không lối thoát.

Chấn thương tinh thần của Lực chưa dừng lại ở việc ông phải đối diện với những nỗi đau trong quá khứ mà còn là sự bất lực trước thực tại. Là con người của chiến tranh, ông phải đánh đổi tuổi trẻ và cuộc đời mình. Những thanh niên trẻ trung, nhiệt huyết đã gác lại cuộc đời mình, đổ máu xuống để đổi lấy cuộc đời dân tộc. Ngay sau chiến tranh, có người chẳng còn trên đời. Người còn sống thì giống như Lực, cuộc đời vì chiến tranh mà đã đổi khác *“Chiến tranh, kháng chiến, không phải như một số người khác, đến bây giờ tôi không hề mảy may hối tiếc đã dốc tất cả tuổi trẻ vào đây cống hiến cho nó, nhưng nó như một nhát dao phạt ngang mà hai nửa cuộc đời tôi bị chặt lìa thật khó gắn liền lại như cũ”* [4, tr.665]. Chiến tranh không cướp mất của ông mạng sống nhưng lại nhấn chìm lấy đi tình yêu và hạnh phúc gia đình *“Chúng tôi đã đánh mất nhau suốt cả một thời trẻ tuổi [...] chúng tôi không thể nào quen được trông thấy mỗi người có một cuộc đời khác”* [4, tr.716]. Lực trở thành người chồng có vợ nhưng không thể nhận, có cha nhưng không thể làm tròn đạo hiếu. Ông khao khát được hạnh phúc, ông biết rằng *“chỉ có người đàn bà đang đi bên cạnh giữa đáy con sông khô này mới có thể xoa dịu bao nhiêu vết thương mà chiến tranh đã để lại trong lòng tôi”* [4, tr.716]. Song ông không thể nhẫn tâm cướp mất đi gia đình của người đàn ông khác. Ông chấp nhận chịu đựng tổn thương, chấp nhận trở thành kẻ vô danh trên chính quê hương của mình. Như vậy, nỗi đau của Lực là nỗi đau của con người bị chấn thương sâu sắc khi vừa phải chịu đựng sự ám ảnh của kí ức đau thương trong chiến tranh, vừa chịu sự tàn khốc của thực tại khiến Lực đau đáu đến suốt

đời. Cũng như Lực, Kiên trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là một trong những người lính bước vào thời bình nhưng *“không tài nào nhấc chân ra khỏi miệng hố chiến tranh”* [11, tr.27]. Kiên cũng phải chịu sự hành hạ của những kí ức đau thương trong quá khứ. Quá khứ ấy không ngừng bị gọi lại một cách mất kiểm soát, anh luôn trong trạng thái căng thẳng *“Tôi như sẵn sàng nhập thân trở lại với cảnh lửa, cảnh máu, những cảnh chém giết cuồng dại, méo xệch tâm hồn và nhân dạng. Thói hiếu sát. Máu hung tàn. Tâm lí thú rừng. Ý chí tối tăm và lòng dạ gổ đá. Tôi chóng mặt choáng hồn đi vì niềm hưng phấn man rợ khi bật sống dậy trước một trận càn bằng bóng súng và lưỡi lê”* [11, tr.50]. Từ một người lính can đảm, mạnh mẽ, anh hy sinh tuổi trẻ cho chiến tranh để rồi ngày trở lại anh loay hoay, chật vật tìm chỗ đứng cho chính mình. Ám ảnh về kí ức chiến tranh đến tình yêu tan vỡ, mất phương hướng trong cuộc sống là những điều mà Kiên phải chịu đựng. Nỗi đau ấy không hiện hữu dưới những mất mát về thể xác mà nó nằm sâu trong tâm hồn - nơi những vết sẹo vô hình không ngừng rỉ máu. Cùng là những nhà văn mặc áo lính, chứng kiến những mất mát và đau thương của chiến tranh, Nguyễn Minh Châu và Bảo Ninh đã dựng nên những con người bước ra từ chiến tranh với nỗi đau tinh thần sâu sắc điển hình là Kiên (*Nỗi buồn chiến tranh*), Lực (*Cỏ lau*) và Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*).

Trong truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, hành vi và cảm xúc của Quỳ là biểu hiện của một người đang mắc phải rối loạn đau buồn kéo dài (prolonged grief disorder). Chị không ngừng hồi tưởng về quá khứ, khi môi tình với Hòa vẫn còn trọn vẹn và ngọt ngào. Hình ảnh Hòa hiện lên không chỉ trong kí ức mà còn trở thành sự hiện diện ám ảnh, như thể chị vẫn đang sống trong không gian của quá khứ, khi nỗi đau mất mát trở thành trung tâm trong đời sống tâm trí của một người, chị không thể tập trung vào hiện tại. Quỳ luôn bị mắc kẹt giữa kí ức và thực tại, giữa tình yêu lý tưởng hóa với Hòa và sự thật phũ phàng về con người anh. Đồng thời, Quỳ

cũng biểu hiện triệu chứng của trầm cảm kéo dài (persistent depressive disorder). Những suy nghĩ tiêu cực, cảm giác mất phương hướng và sự bất lực trước cuộc sống của Quỳnh cho thấy chị không chỉ đang chịu tổn thương về tình cảm, mà còn mất đi ý chí để tái thiết cuộc sống mới. Con tàu là biểu tượng cho sự trôi chảy của thời gian, nhưng nội tâm Quỳnh thì vẫn mắc kẹt trong một vòng lặp không lối thoát, tâm trí và trái tim chị vẫn bị trôi buộc ở một điểm dừng đã xa trong quá khứ. Sự giằng xé này là nguồn cơn của cảm giác bất lực và trống rỗng, khi Quỳnh không tìm thấy mục đích hay ý nghĩa để sống tiếp.

Nhân vật Quỳnh còn là một điển hình của chấn thương gắn bó (attachment trauma - xảy ra khi một cá nhân trải qua tổn thương tâm lý nghiêm trọng từ các mối quan hệ tình cảm quan trọng, đặc biệt khi mối quan hệ đó bị gián đoạn hoặc kết thúc đột ngột) xuất phát từ sự mất mát tình yêu và sự đổ vỡ của niềm tin vào con người mà chị từng tôn thờ. Chấn thương này đã dẫn đến sự giằng xé nội tâm, khi Quỳnh vừa không thể buông bỏ quá khứ, vừa cảm thấy bế tắc trước thực tại. Quỳnh từng yêu Hòa, một người đàn ông có lý tưởng hóa như hình mẫu của sự hoàn hảo, đến mức tình yêu của chị trở thành một dạng tôn thờ. Tâm lý học giải thích rằng khi một cá nhân đầu tư cảm xúc quá lớn vào một mối quan hệ, họ dễ rơi vào trạng thái phụ thuộc tâm lý. Đối với Quỳnh, Hòa không chỉ là một người yêu mà còn là biểu tượng cho những giá trị đẹp đẽ và ý nghĩa trong cuộc sống. Tuy nhiên, khi nhận ra Hòa không phải là một người lý tưởng như chị từng tin - anh đã “phản bội” chị - sự đổ vỡ niềm tin này đã trở thành cú sốc tinh thần nặng nề. “Phản bội” ở đây không được hiểu theo nghĩa đen là ngoại tình hay vi phạm lòng trung thành giữa các cặp đôi, chồng vợ, mà mang một ý nghĩa tâm lý liên quan đến sự đổ vỡ niềm tin. Trong trường hợp của Quỳnh, chị từng lý tưởng hóa Hòa như một hình mẫu hoàn hảo, người mang đến cho chị sự an ủi và hy vọng trong cuộc sống. Khi Hòa không đáp ứng được kỳ vọng đó, niềm tin tuyệt đối của chị bị lung lay, cảm giác bị phản bội ở đây có thể là sự

thất vọng khi nhận ra Hòa không như chị từng nghĩ. Chấn thương tâm lý của chị xuất phát từ sự sụp đổ của hình tượng mà chị từng tôn thờ. Chị không thể chấp nhận rằng Hòa không còn là con người mà chị từng yêu, dẫn đến trạng thái bất lực tập nhiễm (learned helplessness) - mô tả tình trạng một cá nhân cảm thấy mất kiểm soát hoàn toàn trước thực tại, không còn khả năng thay đổi hay phản kháng. Cái chết sau đó của Hòa càng làm trầm trọng hóa chấn thương của Quỳnh, khiến chị không thể buông bỏ kí ức đau thương này. Quỳnh liên tục bị ám ảnh bởi hình ảnh đôi bàn tay của Hòa, như một cách để bám víu vào quá khứ, giống như cách mà nhân vật Gatsby trong *The Great Gatsby* (F. Scott Fitzgerald) luôn cố gắng nắm giữ giấc mộng đã qua. Tuy nhiên, trong khi Gatsby nuôi hy vọng hồi sinh quá khứ, thì Quỳnh lại bị mắc kẹt trong nỗi đau và không thể bước tiếp. Thay vì đối diện với sự thật để hồi phục, chị lại chìm đắm trong nỗi ám ảnh về mối tình đã qua, một dạng rối loạn tâm lý khi cá nhân không thể thoát khỏi sự phụ thuộc vào một mối quan hệ đã kết thúc. Quỳnh, giống như nhiều người phụ nữ khác trong hoàn cảnh tương tự, không phải là nạn nhân trực tiếp của chiến tranh, nhưng cuộc đời họ vẫn bị chi phối và ảnh hưởng sâu sắc bởi những hệ lụy từ xã hội đầy biến động ấy. Tình yêu và các mối quan hệ trong việc định hình tâm lý con người rất quan trọng, khi những mối quan hệ này đổ vỡ, nó có thể để lại những vết sẹo tâm lý sâu sắc, mà đôi khi thời gian hay lý trí không đủ để chữa lành.

Cả Lực và Quỳnh đều thể hiện sự giằng xé nội tâm rõ rệt: một người đấu tranh giữa trách nhiệm và cảm giác tội lỗi, một người mắc kẹt giữa lý tưởng hóa và thực tại. Nếu như Lực đại diện cho chấn thương của cả một thế hệ cựu binh sau chiến tranh, thì Quỳnh phản ánh bi kịch cá nhân của những người phụ nữ chịu tổn thương từ tình yêu và niềm tin tan vỡ.

5. Kết luận

Con người chấn thương trong các sáng tác của Nguyễn Minh Châu đều là những số phận

bước ra từ cuộc chiến tranh khốc liệt của dân tộc. Họ có thể đến từ nhiều nơi, mang trên mình nhiều thân phận, nhưng tựu trung đều chịu chấn thương tâm lý trong hành trình sống và chiến đấu. Họ mang theo chấn thương ấy từ vùng chiến về quê nhà, về với cuộc sống hòa bình. Khi mà con người đang lo toan bận bịu với việc xây dựng đời sống mới thì vết thương lòng của những lớp cựu chiến binh dần bị lãng quên. Và có lẽ chính họ cũng muốn quên đi mảng kí ức đau buồn. Thế nhưng càng cố quên thì vết thương càng khó lành. Nó vẫn sẽ ở đó, vẫn âm ỉ và dai dẳng làm đau con người. Vì thế, Nguyễn Minh Châu đã trực tiếp để nhân vật của mình đối diện với nỗi đau. Dù là Lực (*Cỏ lau*) hay Quý (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) cũng đều mang trong mình nỗi ám ảnh quá khứ đau thương và sự hỗn loạn, giằng xé, bất lực trước thực tại. Từ khi bước ra khỏi chiến tranh, mỗi ngày sống của họ là hành trình chữa lành chấn thương, có khi chạy trốn, có khi đối mặt trực diện với nỗi đau. Đó là nỗi đau của con người đánh mất hạnh phúc, đánh mất gia đình, thậm chí đã đánh mất cả cuộc đời mình. Chấn thương tinh thần khiến họ không thể tiếp tục sống như những con người bình thường sau chiến tranh. Họ đau đớn, dằn vặt, tự trách và sợ hãi; tuy nhiên trong thế giới tinh thần bị tổn thương nặng nề ấy vẫn ánh lên những tia hy vọng, dù là nhỏ nhoi. Lực mơ thấy cuộc sống yên bình về già của mình bên người bố thân yêu. Quý trông đợi vào một năm mới tốt đẹp hơn với lời chúc của người đồng chí luôn lắng nghe chị. Dầu biết vết thương khó lành, nhưng con người vẫn tiếp tục sống, tiếp tục bước đi bằng tất cả niềm tin và hy vọng vào cuộc đời.

Tài liệu tham khảo

- [1] Anh, L.T. (2014). “Từ trường hợp Đoàn Minh Phượng, nghĩ về văn học chấn thương ở Việt Nam và quan điểm nghiên cứu”. *Tạp chí Khoa học Việt Nam* *Thực tiễn*, 67 (2), 14-26. <http://dx.doi.org/10.18173/2354106720220018>
- [2] Caruth, C. (1995). *Trauma: Explorations in Memory*. Baltimore: Johns Hopkins University Press.
- [3] Caruth, C. (1996). *Unclaimed Experience: Trauma, Narrative and History*. Baltimore: John Hopkins University Press.
- [4] Châu, N.M. (2007). *Những tác phẩm văn học đoạt giải thưởng Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] H, N.T. (2022). *Nguyễn Minh Châu và cuộc đối thoại với điện ảnh*. Truy cập ngày 20/12/2024, từ <https://baovannghe.vn/nguyen-minh-chau-va-cuoc-doi-thoai-voi-dien-anh-9159.html>
- [6] Hà, N.P. (2002). *Cảm quan hậu chiến trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến nay* (Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội).
- [7] Herman, J.L. (1992). “Complex PTSD: A Syndrome in Survivors of Prolonged and Repeated Trauma”. *Journal of Traumatic Stress*, 5(3), 377-391.
- [8] Jordan, A.H & Litz, B.T. (2014). “Prolonged Grief Disorder: Diagnostic, Assessment, and Treatment Considerations”. *Professional Psychology: Research and Practice*, 45(3), 180-187. <http://dx.doi.org/10.1037/a0036836>
- [9] Lan, C.K. (2019). “Chấn thương kép trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh”. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, 2, 22-44.
- [10] Nam, H. (2008). *Một kí ức không thể tẩy xóa*. Truy cập ngày 11/12/2024, từ https://daibieunhandan.vn/mot-ky-uc-khong-the-tay-xoa-post198233.html?gidzl=w98m4kEgQaJcZZGNvxDkHkEACnh_i6aO_uvYIV-yQqohX3mHeUms4wNJFKMcuMiHyTiqHpao2czaww1hJm
- [11] Ninh, B. (2017). *Nỗi buồn chiến tranh*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ.
- [12] Oanh, D. H. (2021). “The concept of trauma in literature viewed from the transitioning models of trauma in the West”. *VNU Journal of Foreign Studies*, 37(4), 97-110. <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4752>
- [13] Patel, R.K, Aslam, S.P & Rose, G.M. (2024). *Persistent Depressive Disorder*. Truy cập ngày 4/1/2025, từ <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/books/NBK541052/>
- [14] Phillips, K.A. (2013). *Diagnostic and statistical manual of mental disorders, fifth edition*. Washington, DC: American Psychiatric Publishing.
- [15] Sử, T.Đ. (2003). *Dẫn luận thi pháp học văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- [16] Trang, P. (2024). *Survivor's guilt: Hiểu hơn mặc cảm tội lỗi của người sống sót*. Truy cập ngày 20/12/2024, từ <https://tamlytrilieu.vn/survivors-guilt-27287.html>
- [17] Yên, L. (25/09/2018). *Chức năng nghệ thuật của hệ thống hình ảnh biểu tượng trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*. Truy cập ngày 20/12/2024, từ <https://hocvan.home.blog/2018/09/25/chuc-nang-nghe-thuat-cua-he-thong-hinh-anh-bieu-tuong-trong-truyen-ngan-nguyen-minh-chau/>